

2026



FROM | arkansas
health & wellness

Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Connected Silver của Ambetter from Arkansas Health and Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRI)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
			Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B		<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B		<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B		<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B		Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>etodolac CAPS</i>	1B		OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>etodolac TABS</i>	1B		OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST	OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B		OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC	OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A		Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B		<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B		ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
<i>nabumetone</i>	1B		Analgesic Combinations		
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA			
<i>naproxen TABS</i>	1B				
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)			
<i>oxaprozin TABS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	0	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 EA daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 EA daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 EA daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)			
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA			
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
Opioid Combinations			<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	3	
ZUBSOLV SUBL	3	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dofetilide</i>	1B		ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions					
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies					
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Anti-Inflammatory Agents			<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
Bronchodilators - Anticholinergics			PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)	QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)	Sympathomimetics		
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	QL(15 ML daily)
Leukotriene Modulators			<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA			
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors					
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Steroid Inhalants					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	
fluticasone furoate-vilanterol	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
fluticasone-salmeterol AERO	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
formoterol fumarate NEBU	1B	QL(4 ML daily)
ipratropium-albuterol SOLN	1B	QL(18 ML daily)
levalbuterol hcl	1B	QL(12 ML daily)
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
levalbuterol tartrate	1B	QL(0.5 GM daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
terbutaline sulfate SOLN	1B	
terbutaline sulfate TABS	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
umeclidinium-vilanterol	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
theophylline ELIX	1B	
theophylline SOLN	1B	QL(56 ML daily)
theophylline TB12	1B	
theophylline TB24	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
warfarin sodium TABS	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
rivaroxaban TABS 2.5 MG	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)	Thrombin Inhibitors		
Heparins And Heparinoid-Like Agents			<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)	ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)	<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP	<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)	<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
			NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3	
Anticonvulsants - Misc.			<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML (<i>brivaracetam</i>)	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
DIACOMIT CAPS	4	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST
EPIDIOLEX	3	PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)	TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
			<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
<i>DILANTIN (phenytoin sodium extended)</i>	2	
<i>DILANTIN</i>	2	
<i>DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B		<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A		<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A		<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B		<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B		<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B		<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B		ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B		Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B		<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B		<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B		Antidiabetic Combinations		
Serotonin Modulators			<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B		<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B		<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B		<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B				
Tricyclic Agents					
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A				
<i>amoxapine</i>	1B				
<i>clomipramine hcl</i>	1B				
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B				
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B				
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	QL(5 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>diazoxide</i>	3	
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)	<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG	2	QL(2 EA daily)	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
Biguanides			RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	QL(2.5 EA daily)	Insulin		
			APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
			APIDRA SOLN	3	PA
			HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
			HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
			INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	
NOVOLOG SOLN IJ	1B	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	
TRESIBA SOLN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>posaconazole TBEC</i>	3	QL(6 EA daily)	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	Antihistamines - Piperidines		
ANTI HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines			<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A		<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B		Bile Acid Sequestrants		
Antihistamines - Non-Sedating			<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>loratadine CAPS</i>	1B		<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>loratadine CHEW</i>	1B		<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>loratadine SOLN</i>	1B		<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>loratadine TABS</i>	1A		Fibric Acid Derivatives		
<i>loratadine TBDP</i>	1B		<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC	<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihistamines - Phenothiazines			<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
			HMG CoA Reductase Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV	<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV	<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>simvastatin TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	<i>ramipril CAPS</i>	1B	
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors			<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives			Agents for Pheochromocytoma		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors			Angiotensin II Receptor Antagonists		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA	<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA	EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA	<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure			<i>losartan potassium</i>	1A	QL(1 EA daily)
ACE Inhibitors			<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>benazepril hcl</i>	1A		<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B		Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A		<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	QL(8 EA daily)
			<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)
			<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
			<i>guanfacine hcl</i>	1B	
			<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>terazosin hcl</i>	1B	
			Antihypertensive Combinations		
			<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		Antihypertensives - Misc.		
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A		VECAMEYL	3	PA
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)	<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
			<i>eplerenone</i>	1B	
			Vasodilators		
			<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
			<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
			ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
			<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
			<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
Antimalarials			ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B		Antimychobacterial Agents		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)	ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
			Antimycobacterial Agents		
			<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
			<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
			<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
			<i>isoniazid TABS</i>	1A	
			PRIFTIN	3	
			<i>pyrazinamide</i>	1B	
			<i>rifabutin</i>	1B	PA
			<i>rifampin CAPS</i>	1B	
			<i>rifampin SOLR</i>	1B	
			SIRTURO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
Alkylating Agents			<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA	INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>melphalan</i>	1B		LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
Antimetabolites			MVASI	4	PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA			
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA			
<i>decitabine</i>	4	SP; PA			
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA			
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZIRABEV	4	PA	<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Antibodies			ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LOQTORZI	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA	ORGOVYX	4	PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
DAURISMO	4	PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA			
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA			
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators			COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>pomalidomide 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Antibiotics			IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	KYPROLIS	4	PA
Antineoplastic Combinations			<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
ROZLYTREK CAPS	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	UVADEX	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
TAZVERIK	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA	Mitotic Inhibitors		
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
VITRAKVI SOLN	4	PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
XOSPATA	4	PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA	IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
			<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
			<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl</i> 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	4	SP; PA
<i>topotecan hcl</i> SOLR	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate</i> TABS	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> SOLN	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> TABS	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl</i> CAPS	1B	
<i>amantadine hcl</i> SOLN	1B	
<i>amantadine hcl</i> TABS	1B	
<i>apomorphine hydrochloride</i> SOCT	4	PA
<i>bromocriptine mesylate</i> CAPS	1B	
<i>bromocriptine mesylate</i> TABS 2.5 MG	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TABS	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TBCR	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TBDP	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride</i> TABS 0.125 MG	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pramipexole dihydrochloride</i> TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	1B	
<i>ropinirole hydrochloride</i> TABS	1B	
<i>ropinirole hydrochloride</i> TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride</i> TB24 8 MG, 12 MG	1B	QL(2 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl</i> CAPS	1B	
<i>selegiline hcl</i> TABS	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate</i> CAPS	1B	
<i>lithium carbonate</i> TABS	1B	
<i>lithium carbonate</i> TBCR	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO	3	
<i>lurasidone hcl</i> 80 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>lurasidone hcl</i> 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	1B	QL(1 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily)
FANAPT TITRATION PACK A	2	
<i>paliperidone</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>risperidone SOLN</i>	1B		<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B		<i>perphenazine TABS</i>	1B	
Butyrophenones			<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)	<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B		Quinolinone Derivatives		
Dibenzapines			<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	REXULTI	3	PA
<i>clozapine TABS</i>	1B		Thioxanthenes		
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>thiothixene</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	Antiretrovirals		
<i>loxapine succinate</i>	1B		<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)	<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)	BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B		CABENUVA	3	
Phenothiazines			CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B		<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B		<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3		<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	RETROVIR SOLN	3	
GENVOYA	3	QL(1 EA daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)	STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)	SYMTUZA	3	
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
JULUCA	3	QL(1 EA daily)	TIVICAY PD TBSO	3	
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)	TIVICAY TABS 50 MG	3	QL(2 EA daily)
			TRIUMEQ PD TBSO	3	
			TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
			TYBOST	3	QL(1 EA daily)
			VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
			VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
zidovudine CAPS	1B	QL(6 EA daily)
zidovudine SYRP	1B	QL(60 ML daily)
zidovudine TABS	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
cidofovir	3	
ganciclovir sodium SOLR	1B	
valganciclovir hcl TABS	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
adefovir dipivoxil	4	QL(1 EA daily); SP; PA
entecavir TABS	4	QL(1 EA daily); SP; PA
lamivudine (hbv) TABS	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
ribavirin (hepatitis c) CAPS	1B	QL(7 EA daily)
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	1B	QL(7 EA daily)
SOFOBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
acyclovir CAPS	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
acyclovir SUSP	1B	QL(13.34 ML daily)
acyclovir TABS PO	1B	QL(5 EA daily)
famciclovir 500 MG	1B	QL(4 EA daily)
famciclovir 125 MG, 250 MG	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
valacyclovir hcl 1 GM	1B	QL(4 EA daily)
valacyclovir hcl 500 MG	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		
oseltamivir phosphate CAPS	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
oseltamivir phosphate SUSR	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
rimantadine hydrochloride TABS	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
carvedilol	1A	
carvedilol phosphate	3	QL(1 EA daily)
labetalol hcl SOLN	1B	
labetalol hcl TABS 300 MG	1B	QL(8 EA daily)
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective		
acebutolol hcl CAPS	1B	
atenolol TABS	1A	
betaxolol hcl	1B	
bisoprolol fumarate	1B	
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B		DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A		<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)	<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>felodipine</i>	1B	
Beta Blockers Non-Selective			<i>isradipine CAPS</i>	1B	
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA	<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B		<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
Calcium Channel Blockers			CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B		Cardiac Glycosides		
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B		LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B		CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
			Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B		<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1B		FEMLYV TBDP	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	NATAZIA	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>ceftaroline fosamil 400 MG, 600 MG</i>	1B		<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
TEFLARO 400 MG, 600 MG (<i>ceftaroline fosamil</i>)	3		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral					
AVERI TABS PO	0				
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0				
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
TYBLUME CHEW	0		<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)	<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
ANNOVERA	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	MEDROL TABS	3	
Emergency Contraceptives			<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
ELLA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisone SOLN</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
SLYND	0	QL(1 EA daily)	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone TBPK</i>	1B	
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
			SOLU-MEDROL 2 GM	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B		<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
Mineralocorticoids			<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B		<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms			<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
Antitussives			<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Cough/Cold/Allergy Combinations			<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B		<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Misc. Respiratory Inhalants			<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>HYPERSAL NEBU</i>	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>NEBUSAL NEBU</i>	1B		<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B		<i>DIFFERIN LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
Mucolytics			<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B		<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions			<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
Acne Products			<i>PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD</i>	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)			
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC			
<i>BENZEPRO CREAMY WASH LIQD</i>	2	AL(At least 12 yrs old)			
<i>BENZEPRO FOAM 5.3 %</i>	2	AL(At least 12 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
Antibiotics - Topical			<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)	<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)	ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1B		<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>luliconazole</i>	1B	PA
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antifungals - Topical			<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
			<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
			<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	Antipsoriatics		
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antipruritics - Topical			PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
Burn Products			<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
<i>mafenide acetate PACK</i>	3				
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)			
SULFAMYLON CREA	3				
Corticosteroids - Topical					
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B		<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CHEMSTRIP K STRP	1B		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B				
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B				
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B				
KETONE TEST STRP	1B				
KETOSTIX STRP	1B				
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B				
PRECISION XTRA KETONE	1B				
RELION KETONE TEST STRP	1B				
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC	DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC	Carbonic Anhydrase Inhibitors		
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC	acetazolamide sodium	1B	
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes			acetazolamide CP12	1B	QL(2 EA daily)
Digestive Enzymes			acetazolamide TABS 250 MG	1B	QL(4 EA daily)
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	acetazolamide TABS 125 MG	1B	QL(8 EA daily)
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		methazolamide TABS	1B	QL(6 EA daily)
			Diuretic Combinations		
			amiloride & hydrochlorothiazide	1B	
			spironolactone & hydrochlorothiazide	1B	
			triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	1A	
			triamterene & hydrochlorothiazide TABS	1A	
			Loop Diuretics		
			bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	1B	
			bumetanide TABS	1B	QL(5 EA daily)
			ethacrynic acid	1B	QL(16 EA daily)
			furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	1B	
			furosemide TABS	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHEA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG	1B	
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML	3	
levofloxacin in d5w 500 MG/100ML	1B	
levofloxacin SOLN PO	1B	
levofloxacin TABS 500 MG	1A	
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	1B	
moxifloxacin hcl in sodium chloride	1B	
moxifloxacin hcl TABS	1B	
ofloxacin 300 MG, 400 MG	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
prucalopride succinate	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Gallstone Solubilizing Agents		
ursodiol CAPS	1B	QL(3 EA daily)
ursodiol TABS	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
lubiprostone	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Gastrointestinal Stimulants		
metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	1B	QL(60 ML daily)
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	1B	
metoclopramide hcl TABS	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
balsalazide disodium CAPS	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
mesalamine CP24	1B	PA
mesalamine CPDR	1B	
mesalamine ENEM	3	
mesalamine SUPP	3	
mesalamine TBEC 800 MG	3	QL(6 EA daily)
mesalamine TBEC 1.2 GM	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
sulfasalazine TABS	1B	
sulfasalazine TBEC	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Bradykinin B2 Receptor Antagonists			Cobalamins		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA	<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Complement Inhibitors			Folic Acid/Folates		
GOHIBIC	4	PA	<i>folic acid TABS</i>	0	
HAEGARDA SOLR SC	4	PA	Hematopoietic Growth Factors		
Hematorheologic Agents			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
Plasma Kallikrein Inhibitors			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
ORLADEYO	4	PA	<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA	<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA	FULPHILA	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors			LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
<i>anagrelide hcl</i>	1B		MIRCERA	4	PA
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	NYVEPRIA	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B		RETACRIT	4	PA
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B		UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)	UDENYCA SOAJ	4	PA
<i>dipyridamole</i>	1B		UDENYCA SOSY	4	PA
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA	ZARXIO	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)	Hematopoietic Mixtures		
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA	Iron		
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
Agents for Gaucher Disease			<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA			
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA			
Agents for Sickle Cell Disease					
DROXIA CAPS	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)	FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)	FEMCAP DEVI	0	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)	KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
Clarithromycin			KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B		KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>clarithromycin TABS</i>	1B		KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>clarithromycin TB24</i>	1B		KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
Erythromycins			KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)
Fidaxomicin			MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2		MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)
Contraceptives			REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0		TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	RX/OTC
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)	RELION LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		RELION LANCETS	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0		TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0		Parenteral Therapy Supplies		
			BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	NORMOSOL-M IN D5W	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
Bicarbonates			<i>ringer's</i>	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		Fluoride		
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
Calcium			Phosphate		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
Electrolyte Mixtures			Potassium		
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B		<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
ISOLYTE-S	1B		<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
Dental Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUORIDEX DAILY RENEWAL CONC 0.63 %	0	RX/OTC	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PERIOMED CONC 0.63 %	0	RX/OTC	NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)			
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
RELEVIA TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ML daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Penicillin Combinations			<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
Penicillinase-Resistant Penicillins			<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			Combination Psychotherapeutics		
Progestins			<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A		<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B		Fibromyalgia Agents		
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA	SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0		SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
<i>progesterone CAPS</i>	1B		Movement Disorder Drug Therapy		
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions			AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
Agents for Chemical Dependency			<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>acamprosate calcium</i>	1B		Multiple Sclerosis Agents		
<i>disulfiram</i>	1B		AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA	AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
Antidementia Agents			BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
			<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)	<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)	NICOTINE KIT	0	
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL NS SOLN	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL INHA	0	
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	PROLASTIN-C SOLN	4	PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA	PROLASTIN-C SOLR	4	PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)	Cystic Fibrosis Agents		
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents			KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA	ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents			PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA	TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.			Pulmonary Fibrosis Agents		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B		OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pimozide</i>	1B		<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
Smoking Deterrents			<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
			<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
			SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
			Sulfonamides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B		<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections			NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
Tetracyclines			SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B		TOXOIDS		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Toxoid Combinations		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B		ADACEL SUSP	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B		ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	BOOSTRIX SUSP	0	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)	BOOSTRIX SUSY	0	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	DAPTACEL	0	
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)	INFANRIX	0	
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)	KINRIX SUSY	0	
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)	PEDIARIX SUSY	0	
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones			PENTACEL	0	
Antithyroid Agents			QUADRACEL SUSP	0	
<i>methimazole TABS</i>	1B		QUADRACEL SUSY	0	
<i>propylthiouracil</i>	1B		TDVAX SUSP	0	
Thyroid Hormones			TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2		TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)	VAXELIS SUSP	0	
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)	VAXELIS SUSY	0	
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A		ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B		Antispasmodics		
			<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
			<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
			<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
			<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
			<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
			<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		Ulcer Drugs - Prostaglandins		
H-2 Antagonists			<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	Ulcer Therapy Combinations		
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)			
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC	<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B		URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B		Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
Misc. Anti-Ulcer			<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
Proton Pump Inhibitors			<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC	<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC	<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B		<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)	Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)	Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>flavoxate hcl</i>	1B		AREXVY	0	
VACCINES			AUDENZ EMUL	0	
Bacterial Vaccines			AUDENZ PRSY	0	
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
BEXSERO 0.5 ML	0		COMIRNATY SUSP	0	
CAPVAXIVE	0		COMIRNATY SUSY	0	
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENQUADFI 0.5 ML	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENVEO SOLR	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENBRAYA	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)	FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOLN	0		FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOSY	0		FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 13	0				
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA 0.5 ML	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			MRESVIA	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
			NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
			PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		Vaginal Anti-infectives		
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
ROTARIX SUSP	0		<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
ROTATEQ SOLN	0		Vaginal Anti-inflammatory Agents		
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)	<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
SHINGRIX IM 50 MCG/0.5ML	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)	Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0		PHEXX	0	PV
SPIKEVAX SUSP	0		PHEXXI	0	PV
SPIKEVAX SUSY	0		Vaginal Estrogens		
TWINRIX SUSY	0		<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
VAQTA	0		<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0		FEMRING	3	PA
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS			VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Spermicides			Anaphylaxis Therapy Agents		
TODAY SPONGE MISC	0		<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
			Vasopressors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL (At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL (0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	28	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	42	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abacavir sulfate TABS	28	ACTHAR GEL	42	adefovir dipivoxil	30
abacavir sulfate-lamivudine	28	ACTHIB SOLR IM	61	ADEMPAS	32
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	59
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	61
ABRYSVO	61	acyclovir SUSP	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 61	
acamprosate calcium	57	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	61
acarbose	14	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA SUSP	61
acebutolol hcl CAPS	30	acyclovir topical OINT	38	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	45
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	59	AIMOVIG	50
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	59	AIMSCO LUBRICATED MISC	48
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 2		AKYNZEO	17
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 2		albendazole	7
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	2	albuterol sulfate AERS	9
acetazolamide CP12	41	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	2	albuterol sulfate NEBU	9
acetazolamide sodium	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	2	albuterol sulfate SYRP	9
acetazolamide TABS 125 MG	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	2	albuterol sulfate TABS	9
acetazolamide TABS 250 MG	41	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		alclometasone dipropionate CREA 38	
acetic acid (otic)	56	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	alclometasone dipropionate OINT .38	
acetic acid 0.25 %	45	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	ALDURAZYME	43
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	ALECENSA	25
acitretin 10 MG, 17.5 MG	37	adapalene CREA	35	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	42
acitretin 25 MG	37	adapalene GEL	35	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	42
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3			alfuzosin hcl	45
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3			ALINIA SUSR	21
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3				
ACTEMRA SOSY	3				

aliskiren fumarate	20	aminocaproic acid TABS	47	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	45	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 8		amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	50	amiodarone hcl TABS	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	50	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
ALOCRIL	55	amlodipine besylate TABS	31	amphotericin b IV	17
alogliptin benzoate	15	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	ampicillin CAPS 500 MG	56
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-benazepril hcl 19		ampicillin sodium IV 10 GM	56
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	46
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
ALOMIDE	55	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
alosetron hcl	45	amoxapine	14	ANNOVERA	34
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 57		ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 57		APIDRA SOLN	15
alprazolam TB24	8	amoxicillin & pot clavulanate TABS 57		APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
alprazolam TBDP	8	amoxicillin & pot clavulanate TB12 57		apomorphine hydrochloride SOCT 27	
ALTABAX	36	amoxicillin CAPS	56	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 56		aprepitant CAPS 80 MG	17
alvimopan	45	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	56	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	56	APTIVUS CAPS	28
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin TABS	56	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	46
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	60	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	46
ambrisentan	32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	46
amcinonide CREA	38			ARCALYST	3
amcinonide OINT	38				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2				
amiloride & hydrochlorothiazide ..	41				
amiloride hcl TABS	42				

AREXVY	61	atovaquone-proguanil hcl	22	BAXDELA SOLR	44
arformoterol tartrate	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	59	BAXDELA TABS	44
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN .	49
aripiprazole SOLN PO	28	AUDENZ EMUL	61	BELSOMRA	47
aripiprazole TABS	28	AUDENZ PRSY	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
armodafinil	1	AURANOFIN 3 MG	3	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
ARMOUR THYROID TABS	59	AUSTEDO TABS	57	benazepril hcl	19
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	avanafil	32	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	35
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	AVERI TABS PO	33	BENZEPRO FOAM 5.3 %	35
ARZERRA	24	AVONEX PEN AJKT	57	benzonatate 100 MG	35
ascorbic acid SOLN IJ	64	AVONEX PREFILLED PSKT	57	benzonatate 150 MG	35
asenapine maleate 2.5 MG	28	azacitidine SUSR	23	benzonatate 200 MG	35
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	AZATHIOPRINE SODIUM	52	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	35
aspirin CHEW	5	azathioprine TABS	52	benzoyl peroxide GEL 10 %	35
aspirin TABS 325 MG	5	azelaic acid GEL	40	benzoyl peroxide GEL 5 %	35
aspirin TBEC 325 MG	5	azelastine hcl (ophth)	55	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	35
aspirin TBEC 81 MG	5	azelastine hcl	54	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	35
aspirin-dipyridamole	46	azithromycin PACK	47	benztropine mesylate TABS	27
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	28	azithromycin SUSR	47	bepotastine besilate	55
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	28	azithromycin TABS 250 MG	48	betaine	43
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 500 MG	48	betamethasone dipropionate (topical) CREA	38
atenolol TABS	30	azithromycin TABS 600 MG	48	betamethasone dipropionate (topical) LOTN	38
ATGAM	52	aztreonam 1 GM	21	betamethasone dipropionate (topical) OINT	38
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	55	betamethasone dipropionate	
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	baclofen TABS	54		
atorvastatin calcium TABS	19	balsalazide disodium CAPS	44		
atovaquone	21	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) .	12		
		BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) .	12		

augmented CREA	38	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	38	bosentan TABS 125 MG	32	buprenorphine PTWK	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	38	bosentan TABS 62.5 MG	32	bupropion hcl (smoking deterrent) ..	58
betamethasone valerate CREA	38	bosentan TBSO 32 MG	32	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate FOAM ...	38	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl TB12	13
betamethasone valerate LOTN	38	BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
betamethasone valerate OINT	38	BREZTRI AEROSPHERE	10	buspirone hcl 5 MG	8
BETASERON KIT	57	brimonidine tartrate (topical)	40	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
betaxolol hcl (ophth) SOLN	54	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % ..	55	busulfan SOLN	23
betaxolol hcl	30	brimonidine tartrate-timolol maleate 54		butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
bethanechol chloride 25 MG	61	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML (brivaracetam)	12	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	60	bromfenac sodium (ophth)	55	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4
bexarotene (topical)	37	bromocriptine mesylate CAPS	27	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
bexarotene	26	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEXSERO 0.5 ML	61	budesonide (inhalation) SUSP	9	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6
BEYFORTUS	56	budesonide (intrarectal)	7	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6
bicalutamide	24	budesonide (nasal)	54	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5
BIJUVA	43	budesonide CPEP	34	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6
BIKTARVY	28	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10	butenafine hcl	36
bimatoprost SOLN	56	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	41	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7
bisacodyl SUPP	47	bumetanide TABS	41	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML ..	7
bisacodyl TBEC	47	buprenorphine hcl SOLN	7	CABENUVA	28
bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	buprenorphine hcl SUBL	7	cabergoline	43
bisoprolol fumarate	30	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7		
bleomycin sulfate 15 UNIT	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7		

CABOMETYX TABS	25	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
calcipotriene CREA	37	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil SUSR	33
calcipotriene OINT	37	carbidopa	27	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcipotriene SOLN	37	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil SUSR	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	38	carbidopa-levodopa TBCR	27	cefprozil TABS	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	38	carbidopa-levodopa TBDP	27	ceftaroline fosamil 400 MG, 600 MG .	33
calcitonin (salmon) NA	42	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcitriol (topical)	37	carbinoxamine maleate SOLN	18	cefuroxime axetil TABS	33
calcitriol CAPS	43	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	cefuroxime sodium IJ 750 MG	33
calcitriol SOLN IV	43	carisoprodol TABS	54	celecoxib	4
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	45	carmustine	23	cephalexin CAPS	32
calcium acetate (phosphate binder) TABS	45	carteolol hcl (ophth)	54	cephalexin SUSR	32
calcium chloride (dihydrate) SOLN	51	carvedilol	30	CERDELGA	46
calcium polycarbophil TABS	47	carvedilol phosphate	30	cetirizine hcl TABS	18
candesartan cilexetil	19	CAYA DPRH	48	cevimeline hcl	53
candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	CAYSTON	21	CHEMET	16
capecitabine	23	cefaclor CAPS	32	CHEMSTRIP K STRP	41
CAPRELSA	25	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	33	chloramphenicol sodium succinate	21
captopril 12.5 MG	19	cefadroxil CAPS	32	chlordiazepoxide hcl CAPS	8
captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefadroxil SUSR	32	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	59
CAPVAXIVE	61	cefadroxil TABS	32	chlordiazepoxide-amitriptyline	57
carbamazepine CHEW	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	32	chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	52
carbamazepine CP12 100 MG	12	cefdinir CAPS	33	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22
carbamazepine CP12 200 MG	12	cefdinir SUSR	33	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22
carbamazepine CP12 300 MG	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	33	chlorpromazine hcl SOLN	28
carbamazepine SUSP	12	cefixime CAPS	33	chlorpromazine hcl TABS	28
carbamazepine TABS	12	cefixime SUSR	33		
		cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33		

chlorthalidone 25 MG, 50 MG	42	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23	clindamycin phosphate-tretinoin	35
chlorzoxazone TABS 500 MG	54	citalopram hydrobromide SOLN	13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	54
chlorzoxazone TABS 750 MG	54	citalopram hydrobromide TABS	13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	54
cholecalciferol CAPS	64	clarithromycin SUSR	48	clobazam SUSP	11
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	64	clarithromycin TABS	48	clobazam TABS	11
cholestyramine light PACK	18	clarithromycin TB24	48	clobetasol propionate CREA 0.05 %	38
cholestyramine light POWD	18	CLASSIC PRENATAL TABS	53	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	38
cholestyramine PACK	18	clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate FOAM	39
cholestyramine POWD	18	clemastine fumarate TABS 2.68 MG	18	clobetasol propionate GEL 0.05 %	39
choline fenofibrate	18	CLIMARA PRO	43	clobetasol propionate OINT 0.05 %	39
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 42	42	clindamycin hcl	21	clobetasol propionate SOLN 0.05 %	39
ciclopirox GEL	36	clindamycin palmitate hydrochloride	21	clocortolone pivalate	39
ciclopirox olamine CREA	36	clindamycin phosphate (topical) FOAM	35	clofarabine	23
ciclopirox olamine SUSP	36	clindamycin phosphate (topical) GEL	35	clomipramine hcl	14
ciclopirox SHAM	36	clindamycin phosphate (topical) LOTN	35	clonazepam TABS	11
ciclopirox SOLN	36	clindamycin phosphate (topical) SOLN	35	clonidine hcl (adhd) TB12	1
cidofovir	30	clindamycin phosphate (topical) SWAB	35	clonidine hcl TABS	19
cilostazol	46	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clonidine PTWK	19
CIMDUO	28	clindamycin phosphate vaginal CREA	63	clopidogrel bisulfate 300 MG	46
cimetidine TABS	60	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	35	clopidogrel bisulfate 75 MG	46
cinacalcet hcl	43	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	35	clorazepate dipotassium TABS	8
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	55			clotrimazole (topical) CREA	36
ciprofloxacin hcl (otic)	56			clotrimazole (topical) SOLN	36
ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG	44			clotrimazole	52
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML	44			clotrimazole vaginal CREA 1 %	63
ciprofloxacin-dexamethasone	56			clotrimazole w/ betamethasone CREA	36
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	56			clotrimazole w/ betamethasone	

LOTN	36	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	37	ciproheptadine hcl TABS	18
clozapine TABS	28	COSENTYX SENSOREADY (300		CYSTAGON CAPS	45
clozapine TBDP 100 MG	28	MG) SOAJ	37	CYSTARAN	56
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG		COSENTYX SENSOREADY PEN		dabigatran etexilate mesylate CAPS .	11
28		SOAJ	37	dactinomycin	25
clozapine TBDP 25 MG	28	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	37	dalfampridine	57
COARTEM	22	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	37	danazol CAPS	7
codeine sulfate TABS 30 MG	5	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	37	dantrolene sodium CAPS	54
CODEINE SULFATE TABS	5	CREON CPEP	41	dapagliflozin propanediol	16
colchicine TABS	45	CRESEMBA CAPS 186 MG	17	dapagliflozin propanediol-metformin	
colchicine w/ probenecid	45	cromolyn sodium (ophth)	56	hcl 1000 MG-10 MG	14
colesevelam hcl PACK	18	cromolyn sodium NEBU	9	dapagliflozin propanediol-metformin	
colesevelam hcl TABS	18	crotamiton LOTN	40	hcl 1000 MG-5 MG	14
colestipol hcl GRAN	18	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6		dapsone	21
colestipol hcl PACK	18	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7		DAPTACEL	59
colestipol hcl TABS	18	MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-		daptomycin 500 MG	21
COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	53	darifenacin hydrobromide	60
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE)		cyanocobalamin SOLN IJ 1000		darunavir TABS 600 MG	28
KIT	25	MCG/ML	46	darunavir TABS 800 MG	28
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE)		cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10		dasatinib	25
KIT	25	MG	54	DAURISMO	24
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE)		cyclophosphamide CAPS	23	decitabine	23
KIT	25	cyclophosphamide SOLR IJ	23	deferasirox PACK	16
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10		cycloserine	22	deferasirox TABS	16
MCG/0.3ML	61	cyclosporine (ophth) EMUL	55	deferasirox TBSO	16
COMIRNATY SUSP	61	cyclosporine CAPS	52	deflazacort TABS	34
COMIRNATY SUSY	61	cyclosporine modified (for		DELSTRIGO	29
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG		microemulsion) CAPS	52	demeclocycline hcl TABS	59
(emtricitabine-rilpivirine-tenofovir		cyclosporine modified (for		DEPO-ESTRADIOL	43
disoproxil fumarate)	28	microemulsion) SOLN	52	DEPO-MEDROL SUSP	34
CORDRAN TAPE	39	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	52		
CORTISPORIN-TC	56	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	52		
		ciproheptadine hcl SYRP	18		

DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC34	dexamethasone SOLN34	diclofenac sodium TBEC4
DESCOVY 200 MG-25 MG29	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG34	diclofenac w/ misoprostol TBEC4
desipramine hcl TABS14	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG34	dicloxacillin sodium57
desloratadine TABS18	dexlansoprazole60	dicyclomine hcl CAPS59
desloratadine TBDP 2.5 MG18	dexmethylphenidate hcl CP241	dicyclomine hcl SOLN PO59
desmopressin acetate SOLN IJ ...43	dexmethylphenidate hcl TABS1	dicyclomine hcl TABS59
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA43	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG1	DIFFERIN LOTN35
desmopressin acetate spray43	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 48
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %43	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	diflorasone diacetate CREA39
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 43	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG1	diflorasone diacetate OINT39
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 43	DIACOMIT CAPS12	diflunisal TABS5
desogestrel & ethinyl estradiol33	DIACOMIT PACK 250 MG12	difluprednate55
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)33	DIACOMIT PACK 500 MG12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML31
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)33	diazepam (anticonvulsant) GEL ...11	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG31
desonide CREA39	diazepam CONC8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML50
desonide LOTN39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML50
desonide OINT39	diazepam TABS8	DILANTIN (phenytoin sodium extended)13
desoximetasone CREA 0.25 %39	diazoxide15	DILANTIN13
desoximetasone GEL39	diclofenac epolamine PTCH EX ...37	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)13
desoximetasone OINT 0.25 %39	diclofenac potassium TABS 50 MG .4	DILANTIN SUSP (phenytoin)13
desvenlafaxine succinate14	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX37	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .13
dexamethasone ELIX34	diclofenac sodium (ophth)56	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG31
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC34	diclofenac sodium (topical) GEL EX 37	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG31
dexamethasone sodium phosphate (ophth)55	diclofenac sodium TB244	diltiazem hcl CP1231
		diltiazem hcl CP2431

diltiazem hcl extended release beads	MG	57	DULERA	10
.....31	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG		duloxetine hcl CPEP	14
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	57		DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	
..31	dorzolamide hcl	56	40	
DILTIAZEM HCL SOLR	31	dorzolamide hcl-timolol maleate	.. 55	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ... 40
diltiazem hcl TABS	31	DOVATO	 29	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML
diltiazem hcl TB24	 31	doxazosin mesylate	 19	40
dimethyl fumarate CDPK	57	doxepin hcl (antipruritic)	37	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ... 40
dimethyl fumarate CPDR	 58	doxepin hcl (sleep)	47	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN
DIPENTUM	44	doxepin hcl CAPS	14	DEVI
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG		doxepin hcl CONC	 14	48
18		doxercalciferol CAPS	 43	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN
diphenhydramine hcl ELIX 12.5		doxercalciferol SOLN	 43	MISC
MG/5ML	18	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	48
diphenhydramine hcl LIQD 12.5				DUREX TROPICAL MISC
MG/5ML	18	doxycycline (monohydrate) CAPS 50		45
diphenoxylate w/ atropine LIQD	... 16	MG, 100 MG	 59	dutasteride-tamsulosin hcl
diphenoxylate w/ atropine TABS	...16	doxycycline (monohydrate) CAPS 75		45
dipyridamole	46	MG	 59	econazole nitrate CREA
disopyramide phosphate CAPS	8	doxycycline (monohydrate) TABS		36
disulfiram	57	100 MG	59	EDARBI
divalproex sodium TB24	 13	doxycycline (monohydrate) TABS 50		19
divalproex sodium TBEC	13	MG, 75 MG	59	EDURANT
docetaxel CONC 20 MG/ML	26	doxycycline hyclate CAPS	59	29
docusate calcium	47	doxycycline hyclate TABS 20 MG,		efavirenz CAPS 200 MG
docusate sodium CAPS 100 MG	..47	100 MG	59	29
docusate sodium CAPS 250 MG	..47	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	efavirenz CAPS 50 MG
dofetilide	 9	dronabinol CAPS	17	29
donepezil hydrochloride TABS 10		drospirenone-ethinyl estradiol	33	efavirenz TABS
MG	57	drospirenone-ethinyl estradiol-		29
donepezil hydrochloride TABS 5 MG,		levomefolate calcium	33	efavirenz-emtricitabine-tenofovir
23 MG	57	DROXIA CAPS	46	disoproxil fumarate
donepezil hydrochloride TBDP 10		DUAVEE	43	29
				ELAPRASE
				43
				electrolyte-148
				51
				electrolyte-a
				51
				ELESTRIN GEL
				43
				eletriptan hydrobromide
				50
				ELIGARD KIT SC 7.5 MG
				24
				ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45

MG	24	20	EQUETRO	27
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPk	10	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	ERBITUX	24
ELIQUIS TABS	10	enalapril maleate TABS	ergocalciferol CAPS	64
ELLA	34	ENBREL MINI SOCT	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	64
ELMIRON CAPS	45	ENBREL SOLN	ergoloid mesylates TABS	58
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	46	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	ERGOMAR SUBL	50
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	46	ENBREL SOSY 50 MG/ML	ergotamine w/ caffeine TABS	50
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	50	ENBREL SURECLICK SOAJ	eribulin mesylate	26
EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	50	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	ERIVEDGE	24
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	50	ENGERIX-B SUSY	ERLEADA 240 MG	24
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	50	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	ERLEADA 60 MG	24
EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	erlotinib hcl	24
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 50		enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	ERTACZO	36
EMGALITY SOAJ	50	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	ertapenem sodium IJ	21
EMGALITY SOSY	50	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	erythromycin (acne aid) PADS	35
EMSAM	13	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	erythromycin (acne aid) SOLN	35
emtricitabine CAPS	29	entacapone	erythromycin (ophth)	55
emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29	entecavir TABS	erythromycin base CPEP	48
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29	EPIDIOLEX	erythromycin base TABS	48
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinastine hcl (ophth)	erythromycin base TBEC	48
EMTRIVA SOLN	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	erythromycin ethylsuccinate SUSR 48	
EMVERM CHEW	7	eplerenone	erythromycin ethylsuccinate TABS	48
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG		epoprosthenol sodium	escitalopram oxalate SOLN	13
		eptifibatide 200 MG/100ML	escitalopram oxalate TABS	14
		EQL PRENATAL FORMULA TABS	eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12
		53	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	60
			esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	60

esomeprazole magnesium TBEC . . .60	everolimus (immunosuppressant) 1 MG52	FEMLYV TBDP33
estazolam47	everolimus TABS25	FEMRING63
estradiol GEL43	EVEXITHROID TABS 180 MG59	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG . . .18
estradiol PTTW43	EVOTAZ29	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG18
estradiol PTWK43	exemestane24	fenoprofen calcium TABS4
estradiol TABS43	ezetimibe19	FENSOLVI (6 MONTH) SC43
estradiol vaginal CREA63	ezetimibe-simvastatin18	fentanyl citrate LPOP5
estradiol vaginal TABS63	famciclovir 125 MG, 250 MG30	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR5
estradiol valerate43	famciclovir 500 MG30	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML46
estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG43	famotidine in nacl SOLN60	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG46
eszopiclone47	famotidine SUSR60	ferrous sulfate TBEC 325 MG47
ethacrynic acid41	famotidine TABS 20 MG, 40 MG . .60	fesoterodine fumarate60
ethambutol hcl TABS22	FANAPT27	FETZIMA CP2414
ethosuximide CAPS13	FANAPT TITRATION PACK A . . .27	FETZIMA TITRATION C4PK14
ethosuximide SOLN13	FANTASY LUBRICATED MISC . . .48	fidaxomicin TABS 200 MG48
ethynodiol diacet & eth estrad . . .33	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 48	finasteride45
etodolac CAPS4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)16	fingolimod hcl58
etodolac TABS4	FASENRA PEN SOAJ9	FIRMAGON (240 MG DOSE)24
etonogestrel-ethinyl estradiol34	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML . . .9	FIRMAGON 80 MG24
ETOPOPHOS26	FASENRA SOSY 30 MG/ML9	flavoxate hcl61
etoposide CAPS26	FC2 FEMALE CONDOM48	flecainide acetate8
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML26	febuxostat45	floxuridine23
etravirine 100 MG29	felbamate SUSP13	FLUAD61
etravirine 200 MG29	felbamate TABS 400 MG13	FLUAD QUADRIVALENT61
EUCRISA40	felbamate TABS 600 MG13	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 61
EVAMIST SOLN43	felodipine31	FLUARIX SUSY61
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG52	FEMCAP DEVI48	

FLUBLOK QUADRIVALENT61	fluocinonide SOLN39	fluticasone propionate OINT39
FLUBLOK SOSY61	FLUORIDEX DAILY RENEWAL CONC 0.63 %53	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP62	fluorometholone (ophth) SUSP55	fluticasone-salmeterol AERO10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY62	fluorouracil (topical) CREA 5 %37	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19
FLUCELVAX SUSP62	fluorouracil (topical) SOLN37	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19
FLUCELVAX SUSY62	fluorouracil 500 MG/10ML23	fluvoxamine maleate TABS14
fluconazole SUSR17	fluoxetine hcl CAPS14	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT62
fluconazole TABS17	fluoxetine hcl CPDR14	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY62
flucytosine17	fluoxetine hcl SOLN14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 62
fludarabine phosphate SOLN23	fluoxetine hcl TABS14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 62
fludarabine phosphate SOLR23	fluphenazine hcl CONC28	FLUZONE SUSP62
fludrocortisone acetate TABS35	fluphenazine hcl ELIX28	FLUZONE SUSY62
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 62	fluphenazine hcl SOLN28	FML FORTE SUSP55
FLULAVAL SUSY62	fluphenazine hcl TABS28	folic acid TABS46
FLUMIST62	flurandrenolide CREA39	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11
FLUMIST QUADRIVALENT62	flurandrenolide LOTN39	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11
flunisolide (nasal)54	flurazepam hcl47	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11
fluocinolone acetonide (otic)56	flurbiprofen sodium56	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 39	flurbiprofen TABS4	FORA GTBL BLOOD KETONE TEST41
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %39	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT9	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON41
fluocinolone acetonide OIL39	fluticasone furoate-vilanterol10	formoterol fumarate NEBU10
fluocinolone acetonide OINT39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB9	FOSAMAX PLUS D42
fluocinolone acetonide SOLN39	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 54	fosamprenavir calcium TABS29
fluocinonide CREA39	fluticasone propionate CREA 0.05 % 39	
fluocinonide emulsified base39	fluticasone propionate hfa9	
fluocinonide GEL39	fluticasone propionate LOTN39	
fluocinonide OINT39		

fosfomycin tromethamine	21	galantamine hydrobromide SOLN .	57	glipizide TB24	16
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	galantamine hydrobromide TABS .	57	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	14
fosinopril sodium	19	ganciclovir sodium SOLR	30	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	14
fosphenytoin sodium	13	ganirelix acetate	42	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	40
FRAGMIN SOSY	11	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	62	glucagon SOLR IJ 1 MG	15
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	49	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	62	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	49	gatifloxacin (ophth)	55	glyburide TABS	16
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	49	gefitinib	24	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	14
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	49	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	14
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	49	gemfibrozil TABS	18	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	45
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	49	GENOTROPIN CART SC	42	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 59	
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	49	GENOTROPIN MINIQUEL PRSY 42		glycopyrrolate TABS 1 MG	60
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	49	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycopyrrolate TABS 2 MG	60
FREESTYLE LIBRE READER	49	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	55	GLYXAMBI	14
frovatriptan succinate	50	gentamicin sulfate (topical) CREA .	36	GNP PRENATAL TABS	53
FT PRENATAL TABS	53	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	36	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	53
FULPHILA	46	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2	GOHIBIC	46
fulvestrant SOSY	24	GENVOYA	29	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	41
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	41	GILOTRIF	24	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
furosemide TABS	41	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 58		granisetron hcl TABS	17
FUZEON SOLR	29	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 58		GRASTEK SUBL	2
gabapentin CAPS	12	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ..	23	griseofulvin microsize SUSP	17
gabapentin SOLN	12	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine)	23	griseofulvin microsize TABS	17
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		glimepiride 1 MG, 2 MG	16	griseofulvin ultramicrosize	17
galantamine hydrobromide CP24 ..	57	glimepiride 4 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1
		glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16		

guanfacine hcl	19	START PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	6
GYNAZOLE-1	63	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6
HAEGARDA SOLR SC	46	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7
halcinonide CREA	39	HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7
halobetasol propionate CREA	39	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	15	hydrocortisone (rectal) EX	7
halobetasol propionate OINT	39	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	15	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	39
HALOG OINT	39	HYCANTIN CAPS	27	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %	39
haloperidol decanoate	28	hydralazine hcl SOLN	20	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	39
haloperidol lactate CONC	28	hydralazine hcl TABS	20	hydrocortisone acetate (rectal)	7
haloperidol lactate SOLN	28	hydrochlorothiazide CAPS	42	hydrocortisone butyrate CREA	39
haloperidol TABS	28	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 42		hydrocortisone butyrate OINT	39
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	62	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	42	hydrocortisone butyrate SOLN	39
HEMANGEOL SOLN PO	31	hydrocodone bitartrate CP12	5	hydrocortisone sod succinate 100 MG	34
HEMATINIC/FOLIC ACID	46	hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone TABS	34
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER	35	hydrocortisone vaginal	63
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate CREA	39
HEPLISAV-B SOSY	62	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate OINT	39
HIBERIX SOLR IJ	61	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydrocortisone w/acetic acid	56
HUMATROPE CART IJ	42	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl LIQD	5
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3			hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML	5
HUMIRA (2 PEN) AJKT	3			hydromorphone hcl TABS	5
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3			hydromorphone hcl TB24 32 MG	5
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3			hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3				
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS					

hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	imiquimod 5 % 40	ipratropium-albuterol SOLN10
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML 50	irbesartan19
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML50	irbesartan-hydrochlorothiazide20
hydroxyurea26	INCRELEX 43	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML27
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8	INCRUSE ELLIPTA9	irrigation solutions, physiological ..52
hydroxyzine hcl SYRP8	indapamide TABS 1.25 MG42	ISENTRESS CHEW 29
hydroxyzine hcl TABS8	indapamide TABS 2.5 MG42	ISENTRESS HD TABS 29
hydroxyzine pamoate CAPS8	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	ISENTRESS TABS 29
HYPERSAL NEBU35	indomethacin CPCR4	ISOLYTE-P IN D5W51
HYQVIA 56	INFANRIX 59	ISOLYTE-S51
ibandronate sodium SOLN42	INFLECTRA SOLR 44	isoniazid SOLN 22
ibandronate sodium TABS42	INLYTA23	isoniazid SYRP 22
IBRANCE CAPS25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 15	isoniazid TABS22
IBRANCE TABS 25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG 8
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN 16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 32
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG .. 4	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN16	isosorbide mononitrate TABS8
ibuprofen TABS 800 MG4	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN16	isosorbide mononitrate TB24 8
icatibant acetate SOSY46	INSULIN LISPRO SOLN IJ 16	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG35
ICLUSIG25	INTELENCE 25 MG29	isradipine CAPS31
icosapent ethyl 1 GM 18	IONOSOL-MB IN D5W51	itraconazole CAPS17
idarubicin hcl 20 MG/20ML 25	IPOLE IJ62	itraconazole SOLN17
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML25	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 54	ivabradine hcl TABS32
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML23	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 54	ivermectin (pediculicide) 40
ifosfamide SOLR23	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 9	ivermectin8
imatinib mesylate TABS 25		IXEMPRA KIT 15 MG26
imipramine hcl TABS14		JAKAFI 25
imipramine pamoate14		JANUMET TABS15

JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	14	48	lactic acid (ammonium lactate) CREA	40	
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	14	KIMONO MISC	48	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	40
JANUVIA	15	KIMONO PLUS MISC	48	lactulose (encephalopathy)	45
JARDIANCE	16	KIMONO PS MISC	48	lactulose SOLN	47
JULUCA	29	KIMONO PS PLUS MISC	48	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (lamotrigine)	12
JYNNEOS	62	KIMONO SENSATION MISC	48	lamivudine (hbv) TABS	30
KALETRA SOLN	29	KIMONO SENSATION PLUS MISC 48		lamivudine SOLN	29
KALYDECO TABS	58	KIMONO SPECIAL DEVI	48	lamivudine TABS 150 MG	29
KAMELEON LUBRICATED MISC	48	KINRIX SUSY	59	lamivudine TABS 300 MG	29
KANJINTI	24	KISQALI (200 MG DOSE)	25	lamivudine-zidovudine	29
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	51	KISQALI (400 MG DOSE)	25	lamotrigine CHEW 25 MG	12
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	51	KISQALI (600 MG DOSE)	25	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketoconazole (topical) CREA	36	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) . 25		lamotrigine TABS	12
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	36	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) . 25		lamotrigine TBDP	12
ketoconazole	17	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) . 25		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	31
KETONE TEST STRP	41	KLOXXADO LIQD	16	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	31
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	53	lansoprazole CPDR 15 MG	60
ketorolac tromethamine (ophth)	56	KRINTAFEL	22	lansoprazole CPDR 30 MG	60
ketorolac tromethamine TABS	4	KYPROLIS	25	lanthanum carbonate CHEW	45
KETOSTIX STRP	41	labetalol hcl SOLN	30	lapatinib ditosylate	25
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 56		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 30		LASTACFT	56
KEVZARA SOAJ	3	labetalol hcl TABS 300 MG	30	latanoprost SOLN	56
KEVZARA SOSY	3	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	12	leflunomide	4
KIMONO COLORS DEVI	48	lacosamide TABS	12	LEMTRADA	58
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	48	lactated ringer's (irrigation)	52	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	52
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC				lenalidomide 20 MG	52
				LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	23

LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .23	levofloxacin SOLN PO44	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .44	lisdexamfetamine dimesylate CHEW .1
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .23	levofloxacin TABS 500 MG44	lisinopril & hydrochlorothiazide20
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 33	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG19
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG34	lithium27
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)33	lithium carbonate CAPS27
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG33	lithium carbonate TABS27
letrozole24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)33	lithium carbonate TBCR27
leucovorin calcium SOLR26	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 33	LO LOESTRIN FE TABS33
leucovorin calcium TABS26	levorphanol tartrate TABS 2 MG5	lofexidine hcl57
LEUKERAN23	levothyroxine sodium TABS59	LOKELMA52
LEUKINE SOLR IJ46	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ..52	lomustine 10 MG23
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML24	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ..52	lomustine 40 MG, 100 MG23
levalbuterol hcl10	lidocaine hcl GEL 2 %40	loperamide hcl CAPS16
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML10	lidocaine hcl PRSY40	lopinavir-ritonavir SOLN29
levalbuterol tartrate10	lidocaine hcl SOLN40	lopinavir-ritonavir TABS29
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine PTCH 5 %40	LOQTORZI24
levetiracetam TABS 1000 MG12	lidocaine-prilocaine CREA40	loratadine CAPS18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG12	lincomycin hcl21	loratadine CHEW18
levetiracetam TABS 500 MG12	linezolid SUSR21	loratadine SOLN18
levetiracetam TB2412	linezolid TABS21	loratadine TABS18
levobunolol hcl 0.5 %55	LINZESS45	loratadine TBDP18
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	liothyronine sodium SOLN59	lorazepam CONC8
levocetirizine dihydrochloride TABS 18	liothyronine sodium TABS59	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG8
levofloxacin (ophth) 0.5 %55	liraglutide15	lorazepam TABS 1 MG8
levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 44		LORBRENA25
		losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG20

losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20	MATULANE 26	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 5
losartan potassium 19	MAXIDEX SUSP OP 55	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML 5
LOTEMAX OINT 55	MAXX MISC 48	meperidine hcl TABS 50 MG 5
loteprednol etabonate GEL 55	MAXX PLUS MISC 48	meprobamate 8
loteprednol etabonate SUSP 55	meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	mercaptopurine TABS 23
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19	meclizine hcl TABS 25 MG 17	mesalamine CP24 44
lovastatin TABS 40 MG 19	meclofenamate sodium CAPS 4	mesalamine CPDR 44
loxapine succinate 28	MEDROL TABS 34	mesalamine ENEM 44
lubiprostone 44	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 34	mesalamine SUPP 44
luliconazole 36	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 34	mesalamine TBEC 1.2 GM 44
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG 25	medroxyprogesterone acetate 10 MG 57	mesalamine TBEC 800 MG 44
LUMAKRAS 320 MG 25	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG 57	metaxalone 800 MG 54
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM 24	mefenamic acid CAPS 4	metformin hcl TABS 1000 MG 15
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM 24	mefloquine hcl 22	metformin hcl TABS 500 MG 15
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 24	megestrol acetate (appetite) 57	metformin hcl TABS 850 MG 15
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 24	megestrol acetate SUSP 24	metformin hcl TB24 500 MG 15
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 27	megestrol acetate TABS 24	metformin hcl TB24 750 MG 15
lurasidone hcl 80 MG 27	MEKINIST TABS 0.5 MG 25	methadone hcl CONC 5
LYNPARZA TABS 25	MEKINIST TABS 2 MG 25	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5
LYSODREN 24	meloxicam TABS 4	methadone hcl TABS 10 MG 5
mafenide acetate PACK 38	melphalan 23	methadone hcl TABS 5 MG 5
malathion 40	melphalan hcl IV 23	methadone hcl TBSO 5
maraviroc TABS 150 MG 29	memantine hcl TABS 57	methamphetamine hcl 1
maraviroc TABS 300 MG 29	MENEST 2.5 MG 43	methazolamide TABS 41
MARPLAN 13	MENOSTAR PTWK 43	methenamine hippurate 21
MASONATAL TABS 53	MENQUADFI 0.5 ML 61	methimazole TABS 59
MATRONEX TABS 53	MENVEO SOLR 61	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 54
		methotrexate sodium SOLN 50

MG/2ML, 250 MG/10ML23	125 MG, 500 MG, 1000 MG 34	midodrine hcl64
methotrexate sodium SOLR23	methylprednisolone TABS 34	miglitol14
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	methylprednisolone TBPk34	miglustat46
methoxsalen rapid37	methyltestosterone TABS7	minocycline hcl CAPS 59
methscopolamine bromide60	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 44	minocycline hcl TABS59
methsuximide13	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 20
methyldopa TABS19	metoclopramide hcl TABS44	mirabegron TB24 60
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1	metolazone42	MIRCERA 46
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 20	mirtazapine TABS13
methylphenidate hcl CHEW 5 MG .. 1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG20	mirtazapine TBPk13
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG 1	metoprolol succinate TB24 200 MG 31	misoprostol60
methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG30	mitomycin SOLR IV 20 MG25
methylphenidate hcl CP24 1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML31	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ...25
methylphenidate hcl CPCR 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 31	M-M-R II SOLR62
methylphenidate hcl SOLN2	metronidazole (topical) CREA40	M-NATAL PLUS TABS53
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 40	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 62
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..40	modafinil 100 MG 2
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2	metronidazole (topical) LOTN 40	modafinil 200 MG 2
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 21	MODERNA COVID-19 BIVALENT 62
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG2	metronidazole vaginal63	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP62
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	mexiletine hcl8	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY62
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 63	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP62
methylphenidate PTCH 2		moexipril hcl19
methylprednisolone acetate SUSP 34		mometasone furoate (nasal) SUSP 54
methylprednisolone sod succ 40 MG,		mometasone furoate CREA39
		mometasone furoate OINT 39

mometasone furoate SOLN	39	nadolol TABS 20 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	55
montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABS 40 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	56
montelukast sodium PACK	9	nadolol TABS 80 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	56
montelukast sodium TABS	9	naftillin sodium IV 10 GM	57	NEONATAL COMPLETE TABS 120	
morphine sulfate CP24 10 MG, 20		naftifine hcl CREA 1 %	36	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	
MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG,		naftifine hcl CREA 2 %	36	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	
100 MG	5	naloxone hcl LIQD	16	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	
morphine sulfate SOLN IJ 0.5		naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	53
MG/ML, 1 MG/ML	5	MG/10ML	17	NEONATAL PLUS TABS	53
morphine sulfate SOLN PO 10		naltrexone hcl	17	NEONATAL PRENATAL TABS ...	53
MG/5ML	6	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	NEONATAL VITAMIN TABS	53
morphine sulfate SOLN PO 20		naproxen SUSP	4	neostigmine methylsulfate SOSY ..	22
MG/5ML	6	naproxen TABS	4	NEO-SYNALAR	36
morphine sulfate TABS	6	naproxen TBEC 500 MG	4	NEUPRO	27
morphine sulfate TBCR	6	naratriptan hcl	50	NEVANAC	56
MOTOFEN	16	NATACTYN	55	nevirapine SUSP	29
MOVANTIK	45	NATAZIA	33	nevirapine TABS	29
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	55	nateglinide	16	nevirapine TB24 400 MG	29
moxifloxacin hcl in sodium chloride	44	NAYZILAM	11	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	60
moxifloxacin hcl TABS	44	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	31	NEXTSTELLIS	33
MRESVIA	62	nebivolol hcl 20 MG	31	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
MULTI PRENATAL TABS	53	NEBUSAL NEBU	35	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	64
mupirocin calcium (topical)	36	nefazodone hcl	14	NIACIN ER TBCR	64
mupirocin OINT	36	nelarabine	23	niacin TABS	64
MVASI	23	neomycin sulfate TABS	2	niacin TBCR	64
MYALEPT	43	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	55	niacinamide TABS 100 MG	64
mycophenolate mofetil CAPS	52	neomycin-polymy-dexameth OINT	55	niacinamide TABS 500 MG	64
mycophenolate mofetil TABS	52	neomycin-polymy-dexameth SUSP		nicardipine hcl CAPS	31
mycophenolate sodium	52	0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,		nicardipine hcl SOLN	31
MYLERAN TABS	23	0.1 %	55	NICOTINE KIT	58
nabumetone	4				

nicotine polacrilex GUM	58	NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 5	41	NOVAREL IM 10000 UNIT	42
nicotine polacrilex LOZG	58	MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		NOVAVAX COVID-19 VACCINE	
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		MG/1.5ML	42	SUSP	62
MG/24HR, 21 MG/24HR	58	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	34	NOVAVAX COVID-19 VACCINE	
NICOTROL INHA	58	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	33	SUSY	62
NICOTROL NS SOLN	58	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	33	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 10 MG	31	norethin acet & estrad-fe TABS 1		NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine CAPS 20 MG	31	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine TB24 60 MG	31	MCG-75 MG	33	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24 90 MG	31	norethindrone & eth estradiol	33	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ...	16
nifedipine TB24	31	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	33	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nilutamide	24	norethindrone (contraceptive)	34	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16
nimodipine CAPS	31	norethindrone acet & eth estra TABS	33	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN	
NIPENT	26	norethindrone acetate TABS	57	SUPN	16
nisoldipine	31	norethindrone acetate-ethinyl		NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16
nitazoxanide TABS	21	estradiol	43	NOVOLOG PENFILL SOCT	16
nitisinone CAPS	43	norethindrone acetate-ethinyl		NOVOLOG SOLN IJ	16
NITRO-BID OINT	8	estradiol-fe	33	NP THYROID TABS	59
nitrofurantoin	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)		NUEDEXTA	58
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,			33	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE	
100 MG	21	norgestimate-ethinyl estradiol		SUSY 5 MCG/0.5ML	62
nitrofurantoin monohyd macro	21	(triphasic)	34	nystatin (mouth-throat)	52
nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestimate-ethinyl estradiol	34	nystatin (topical) CREA	36
nitroglycerin CPCR	8	norgestrel & ethinyl estradiol 30		nystatin (topical) OINT	36
nitroglycerin PT24	8	MCG-0.3 MG	34	nystatin (topical) POWD EX	36
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORMOSOL-M IN D5W	51	nystatin TABS	17
nitroglycerin SUBL	8	NORMOSOL-R PH 7.4	51	nystatin-triamcinolone CREA	37
NIVA-PLUS TABS	53	nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin-triamcinolone OINT	37
nizatidine CAPS	60	nortriptyline hcl SOLN	14	NYVEPRIA	46
NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 30		NORVIR CAPS	29	octreotide acetate SOLN	43
MG/3ML	42	NORVIR PACK	29		
		NOVA MAX PLUS KETONE TEST			

ODEFSEY	29	MG/5ML	17	oxaprozin TABS	4
ODOMZO	24	ondansetron hcl SOSY	17	oxazepam CAPS	8
OFEV	58	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin (ophth)	55	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
ofloxacin (otic)	56	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG	44	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxiconazole nitrate CREA	37
OGIVRI	24	ondansetron TBDP 8 MG	17	OXISTAT LOTN	37
olanzapine SOLR	28	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 53		oxybutynin chloride SOLN	60
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28	ONE VITE WOMENS TABS	53	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	60
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	49	oxybutynin chloride TB24	60
olanzapine TBDP 20 MG	28	OPILL	34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28	ORENITRAM TBCR	32	oxycodone hcl TABS	6
olmesartan medoxomil	19	ORGOVYX	24	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20	ORILISSA	42	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI PACK	58	oxymorphone hcl TABS	6
olopatadine hcl (nasal)	54	ORKAMBI TABS	58	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
olopatadine hcl 0.1 %	56	ORLADEYO	46	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	
olopatadine hcl 0.2 %	56	orphenadrine citrate TB12	54	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15
omega-3-acid ethyl esters	18	oseltamivir phosphate CAPS	30	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15
omeprazole CPDR	60	oseltamivir phosphate SUSR	30	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	15
omeprazole magnesium CPDR ...	60	OSPHENA	42	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	26
omeprazole TBEC	60	OTEZLA TABS	4	paclitaxel protein-bound particles ..	26
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	60	OTEZLA TBPK	4	paliperidone	27
OMNIFLEX DIAPHRAGM	48	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	palonosetron hcl SOLN	17
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .	17	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4		
ondansetron hcl SOLN PO 4		oxacillin sodium IV 10 GM	57		
		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23		

pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML 42	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .56	TRIS SUSP 63
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 42	penicillin g potassium 5000000 UNIT 56	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP 63
PANRETIN 37	penicillin g sodium 56	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG 45
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 60	penicillin v potassium SOLR 56	phendimetrazine tartrate TABS 1
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 60	penicillin v potassium TABS 56	phenelzine sulfate 13
paricalcitol CAPS 43	PENMENVY SUSR IM 61	phenobarbital ELIX 47
paricalcitol SOLN 43	PENTACEL 59	phenobarbital TABS 47
paroxetine hcl SUSP 14	pentamidine isethionate IN 21	phenoxybenzamine hcl 19
paroxetine hcl TABS 14	pentazocine w/ naloxone hcl 7	phentermine hcl CAPS 1
paroxetine hcl TB24 14	pentoxifylline 46	phenytoin CHEW 13
pazopanib hcl 26	perampanel TABS 2 MG 11	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG 13
PEDIARIX SUSY 59	perampanel TABS 4 MG 11	phenytoin sodium SOLN 13
pediatric multivitamins w/fl CHEW .53	perampanel TABS 6 MG 11	phenytoin SUSP 13
PEDVAX HIB SUSP 61	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG 11	PHEXX 63
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid 47	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG . 19	PHEXXI 63
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 47	perindopril erbumine 4 MG 19	PHOTOFRIN 26
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride 47	PERIOMED CONC 0.63 % 53	PIFELTRO 29
PEGASYS SOLN 30	permethrin CREA 40	pilocarpine hcl (oral) 53
PEGASYS SOSY 30	permethrin LIQD EX 40	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 55
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	perphenazine TABS 28	pimecrolimus 40
PENBRAYA 61	perphenazine-amitriptyline 57	pimozide 58
penciclovir 38	PERSERIS PRSY 27	pindolol TABS 31
penicillamine CAPS 52	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 62	pioglitazone hcl 16
penicillamine TABS 52	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP 62	pioglitazone hcl-glimepiride 15
	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP 63	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15
	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .26
		PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .26

PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .26	MEQ/L-0.9 %51	PHOSPHATE55
pirfenidone CAPS58	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L51	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML34
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 58	potassium chloride microencapsulated crystals er51	prednisolone sodium phosphate TBDP34
pirfenidone TABS 534 MG58	potassium chloride PACK PO 20 MEQ51	prednisolone SOLN34
piroxicam CAPS4	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 52	prednisolone TABS34
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L51	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML51	prednisone SOLN34
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..51	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ52	prednisone TABS 1 MG, 5 MG34
PLEGRIDY SOAJ58	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 45	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG34
PLEGRIDY SOSY SC58	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML51	prednisone TBPK34
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 58	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD35	pregabalin (once-daily) 330 MG ...58
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC58	pralatrexate 20 MG/ML23	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG58
PNEUMOVAX 23 SOLN61	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG27	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12
PNEUMOVAX 23 SOSY61	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG27	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...12
podofilox SOLN40	prasugrel hcl46	pregabalin SOLN12
polymyxin b-trimethoprim55	pravastatin sodium19	PREHEVBRIO63
pomalidomide 1 MG, 2 MG, 3 MG, 4 MG25	praziquantel8	PREMARIN63
POMALYST25	prazosin hcl CAPS19	PREMARIN SOLR43
posaconazole SUSP17	PRECISION XTRA KETONE41	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)44
posaconazole TBEC18	PRED MILD55	PREMPHASE43
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 51	prednisolone acetate (ophth)55	PREMPRO43
potassium bicarbonate TBEF51	PREDNISOLONE SODIUM	PRENATAL ONE DAILY TABS53
potassium chloride CPCR51		PRENATAL PLUS TABS53
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40		PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS53

PRENATAL TABS	53	(tacrolimus)	52	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	37
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	53	PROLASTIN-C SOLN	58	QC PRENATAL TABS	54
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	53	PROLASTIN-C SOLR	58	QUADRACEL SUSP	59
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	53	PROLEUKIN	26	QUADRACEL SUSY	59
PRENATRIX TABS	54	PROLIA SOSY	42	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	28
PRENATRYL TABS	54	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TB24	28
PREVNAR 13	61	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19
PREVNAR 20	61	promethazine hcl TABS	18	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19
PREZCOBIX	29	propafenone hcl CP12	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20
PREZISTA SUSP	29	propafenone hcl TABS	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	29	proparacaine hcl	55	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	20
PRIFTIN	22	propranolol hcl CP24	31	quinidine sulfate TABS	8
primaquine phosphate TABS	22	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	31	quinine sulfate CAPS 324 MG	22
primidone 50 MG, 250 MG	12	propranolol hcl TABS	31	QVAR REDIHALER	9
PRIORIX SUSR	63	propylthiouracil	59	rabeprazole sodium TBEC	60
probenecid	45	PROQUAD SUSR	63	raloxifene hcl	42
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		protiptyline hcl	14	ramelteon	47
prochlorperazine	28	prucalopride succinate	44	ramipril CAPS	19
prochlorperazine maleate TABS ...	28	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG	60
progesterone CAPS	57	PULMOZYME	58	ranolazine TB12 1000 MG	8
PROGRAF PACK	52	pyrazinamide	22	ranolazine TB12 500 MG	8
PROGRAF SOLN 5 MG/ML		pyridostigmine bromide SOLN PO	22	rasagiline mesylate	27
		pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22	REALITY LATEX CONDOMS MISC . 48	
		pyridostigmine bromide TBCR	22	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	48
		pyrimethamine	22	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	
		PYZCHIVA 130 MG/26ML	44		
		PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	37		
		PYZCHIVA 90 MG/ML	37		

48		rifampin CAPS 22	12 MG 27
REBIF REBIDOSE SOAJ 58		rifampin SOLR 22	rosuvastatin calcium TABS 19
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ 58		riluzole TABS 54	ROTARIX SUSP 63
REBIF SOSY 58		rimantadine hydrochloride TABS .. 30	ROTATEQ SOLN 63
REBIF TITRATION PACK SOSY .. 58		ringer's 51	ROZLYTREK CAPS 26
RECOMBIVAX HB SUSP 63		ringer's irrigation 52	RUBRACA 26
RECOMBIVAX HB SUSY 63		RINVOQ LQ SOLN 2	rufinamide SUSP 12
RELENZA DISKHALER 30		RINVOQ TB24 2	rufinamide TABS 200 MG 12
RELEVIA TABS 54		risedronate sodium TABS 150 MG 42	rufinamide TABS 400 MG 12
RELION KETONE TEST STRP ... 41		risedronate sodium TABS 35 MG .42	RUXIENCE 24
RELION LANCET DEVICES 30G .49		risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG 42	RYBELSUS TABS 15
RELION LANCETS 49		risedronate sodium TBEC 42	sacubitril-valsartan TABS 32
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP 41		risperidone microspheres 27	salsalate 5
RENFLEXIS 44		risperidone SOLN 28	SANTYL OINT 40
repaglinide 0.5 MG, 1 MG 16		risperidone TABS 28	SAVELLA TABS 57
repaglinide 2 MG 16		risperidone TBDP 28	SAVELLA TITRATION PACK MISC 57
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT 19		ritonavir TABS 29	saxagliptin hcl 15
REPATHA SOSY 19		rivaroxaban SUSR 1 MG/ML 10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG 15
REPATHA SURECLICK SOAJ 19		rivaroxaban TABS 2.5 MG 10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG 15
RETACRIT 46		rivastigmine tartrate CAPS 57	scopolamine 17
RETROVIR SOLN 29		rizatriptan benzoate TABS 10 MG .50	SELECT INSULIN SYRINGES ... 49
REXULTI 28		rizatriptan benzoate TABS 5 MG .. 50	SELECT INSULIN SYRINGES ... 50
REZVOGLAR KWIKPEN 16		rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .50	SELECT LANCETS 49
ribavirin (hepatitis c) CAPS 30		rizatriptan benzoate TBDP 5 MG .. 50	selegiline hcl CAPS 27
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30		roflumilast 9	selegiline hcl TABS 27
RIDAURA 3		romidepsin SOLR 26	selenium sulfide LOTN 2.5 % 38
rifabutin 22		ropinirole hydrochloride TABS 27	SELZENTRY SOLN 29
		ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG 27	SEREVENT DISKUS 10
		ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,	

sertraline hcl CONC	14	acetate)	51	SPIKEVAX SUSP	63
sertraline hcl TABS	14	sodium acetate SOLN	51	SPIKEVAX SUSY	63
sevelamer carbonate PACK	45	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	45	spinosad	40
sevelamer carbonate TABS	45	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	35	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9
SHINGRIX	63	sodium citrate & citric acid	45	spironolactone & hydrochlorothiazide	41
SHINGRIX IM 50 MCG/0.5ML	63	sodium fluoride CHEW	51	spironolactone TABS	42
SIGNIFOR	43	sodium phenylbutyrate POWD	43	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13
sildenafil citrate (pulmonary		sodium phenylbutyrate TABS	43	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13
hypertension) SOLN	32	sodium polystyrene sulfonate POWD	52	stannous fluoride CONC	53
sildenafil citrate (pulmonary		52		STELARA 130 MG/26ML	44
hypertension) SUSR	32	sodium polystyrene sulfonate SUSP		STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38
sildenafil citrate (pulmonary		CO 15 GM/60ML	52	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	38
hypertension) TABS	32	sodium sulfate-potassium sulfate-		STELARA SOSY 90 MG/ML	38
sildenafil citrate	32	magnesium sulfate	47	STEQEYMA	44
silodosin	45	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	30	STIOLTO RESPIMAT	10
silver sulfadiazine	38		30	STIVARGA	26
SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3	solifenacin succinate TABS	60	streptomycin sulfate SOLR	2
SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3	SOLQUA	15	STRIBILD	29
SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3	SOLU-CORTEF 250 MG	34	STRIVERDI RESPIMAT	10
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	34	SUBLOCADE SOSY	7
SIMULECT	52	34		sucralfate SUSP	60
simvastatin TABS	19	SOLU-MEDROL 2 GM	34	sucralfate TABS	60
sirolimus TABS	52	sorafenib tosylate	26	sulconazole nitrate CREA	37
SIRTURO	22	SORBITOL 3 %	45	sulconazole nitrate SOLN	37
SKYRIZI PEN SOAJ	37	SORBITOL-MANNITOL 2.7		sulfacetamide sodium (acne)	35
SKYRIZI SOCT	44	GM/100ML-0.54 GM/100ML	45	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	55
SKYRIZI SOLN	44	sotalol hcl (afib/afi)	31	sulfacetamide sodium w/ sulfur	
SKYRIZI SOSY	38	sotalol hcl TABS 240 MG	31	CREA 10 %-5 %	36
SLYND	34	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,		sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
SM PRENATAL VITAMINS TABS .54		160 MG	31		
SODIUM ACETATE SOLN (sodium		SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25			
		MCG/0.25ML	63		

10 %-5 %	36	MG	15	temazepam 15 MG, 30 MG	47
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	36	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	59	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	47
sulfadiazine TABS	59	TABLOID	23	TEMODAR SOLR	23
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	tacrolimus (topical) OINT	40	temozolomide CAPS	23
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus CAPS	52	temsirolimus	26
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	52	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	59
SULFAMYLON CREA	38	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	32	tenofovir disoproxil fumarate TABS 29	
sulfasalazine TABS	44	tadalafil 5 MG	32	terazosin hcl	19
sulfasalazine TBEC	44	TAFINLAR CAPS	26	terbinafine hcl TABS	17
sulindac TABS	4	tafluprost	56	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan	50	TAGRISSO 40 MG	24	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan succinate SOAJ	50	TAGRISSO 80 MG	24	terconazole vaginal CREA	63
sumatriptan succinate SOCT	51	TAKHZYRO SOLN	46	terconazole vaginal SUPP	63
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	51	TAKHZYRO SOSY	46	teriflunomide	58
sumatriptan succinate TABS	51	TALZENNA	26	teriparatide SOPN	42
sumatriptan-naproxen sodium	50	tamoxifen citrate TABS	24	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	tamsulosin hcl	45	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
sunitinib malate 37.5 MG	26	tavaborole	37	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SUNOSI 150 MG	1	tazarotene CREA 0.1 %	38	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	59
SUNOSI 75 MG	1	TAZVERIK	26	tetrabenazine	57
SYMTUZA	29	TDVAX SUSP	59	tetracycline hcl CAPS	59
SYNAREL	43	TEFLARO 400 MG, 600 MG (ceftaroline fosamil)	33	THALOMID	52
SYNJARDY TABS	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline SOLN	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25		telmisartan	19	theophylline TB12	10
		telmisartan-amlodipine	20	theophylline TB24	10
		telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	54

thioridazine hcl	28	topiramate CS24	13	MG/2ML	44
thiotepa 15 MG	23	topiramate TABS 200 MG	13	TREMFYA SOLN IV	44
thiothixene	28	topiramate TABS 25 MG, 100 MG ..	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	38
THYMOGLOBULIN	52	topiramate TABS 50 MG	13	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	44
THYROGEN 0.9 MG	40	topotecan hcl SOLR	27	TREMFYA-CD/UC INDUCTION	
tiagabine hcl	13	toremifene citrate	24	SOAJ SC 200 MG/2ML	44
ticagrelor 60 MG, 90 MG	46	torsemide TABS	42	treprostinil SOLN IJ	32
timolol maleate (ophth) SOLG	55	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)		TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	16
timolol maleate (ophth) SOLN	55		32	TRESIBA SOLN	16
timolol maleate TABS	31	tramadol hcl TABS 50 MG	6	tretinoin (chemotherapy)	26
tinidazole	21	tramadol hcl TB24	6	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	
tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG		tramadol-acetaminophen	7	%	36
.....	9	trandolapril 1 MG, 2 MG	19	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	36
TIVICAY PD TBSO	29	trandolapril 4 MG	19	tretinoin microsphere 0.1 %	36
TIVICAY TABS 50 MG	29	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2		TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	
tizanidine hcl CAPS	54	MG, 240 MG-1 MG	20	MG, 15 MG	23
tizanidine hcl TABS	54	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2		triamcinolone acetonide (mouth) ..	53
tobramycin (ophth) SOLN	55	MG, 240 MG-4 MG	20	triamcinolone acetonide (nasal)	
tobramycin NEBU	2	tranexamic acid SOLN 1000		AERO	54
tobramycin-dexamethasone SUSP		MG/10ML	47	triamcinolone acetonide (topical)	
55		tranexamic acid TABS	47	CREA 0.025 %	39
TODAY SPONGE MISC	63	tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide (topical)	
tolcapone	27	travoprost SOLN	56	CREA 0.1 %	39
tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24	triamcinolone acetonide (topical)	
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14	CREA 0.5 %	39
TOLSURA CAPS	18	TRELEGY ELLIPTA	10	triamcinolone acetonide (topical)	
tolterodine tartrate CP24	60	TRELSTAR MIXJECT	24	LOTN 0.025 %	40
tolterodine tartrate TABS	60	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC		triamcinolone acetonide (topical)	
tolvaptan TABS	43	100 MG/ML	38	LOTN 0.1 %	40
topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML		triamcinolone acetonide (topical)	
topiramate CPSP 25 MG	12	38		OINT 0.025 %, 0.1 %	40
		TREMFYA PEN SOAJ SC 200		triamcinolone acetonide (topical)	
				OINT 0.5 %	40

triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	35	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC .	49	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	49
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	41	tropicamide SOLN 0.5 %	55	TRUXIMA	24
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	41	tropicamide SOLN 1 %	55	TUKYSA	24
triamterene CAPS	42	trospium chloride CP24	60	TURALIO 125 MG	26
triazolam	47	trospium chloride TABS	60	TWINRIX SUSY	63
TRICARE TABS	54	TRUE COVER DEVI	49	TWIRLA	34
trientine hcl 250 MG	52	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	41	TYBLUME CHEW	34
trifluoperazine hcl TABS	28	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	49	TYBOST	29
trifluridine	55	TRULANCE	44	TYMLOS	42
trihexyphenidyl hcl SOLN	27	TRULICITY	15	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	32
trihexyphenidyl hcl TABS	27	TRUMENBA 0.5 ML	61	TYVASO SOLN IN	32
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	49	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	32
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDED MISC	49	UBRELVY	50
TRIKAFTA TBPK	58	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	49	UDENYCA ONBODY SOSY	46
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	49	UDENYCA SOAJ	46
trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	49	UDENYCA SOSY	46
trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	49	umeclidinium-vilanterol	10
TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	49	UPTRAVI TABS 200 MCG	32
TRIUMEQ PD TBSO	29	TRUSTEX		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	32
TRIUMEQ TABS	29	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	49	UPTRAVI TITRATION TBPK	32
TROJAN BARESKIN DEVI	48	49		ursodiol CAPS	44
TROJAN MAGNUM MISC	48	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	49	ursodiol TABS	44
TROJAN ULTRA THIN MISC	48	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	49	UVADEX	26
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	48	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC .		VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	48			valacyclovir hcl 1 GM	30
				valacyclovir hcl 500 MG	30

valganciclovir hcl TABS	30	venlafaxine hcl TB24	14	water for irrigation, sterile	52
valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	31	WESTAB PLUS TABS	54
valproic acid CAPS	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	49
valrubicin	25	verapamil hcl TABS	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	49
valsartan TABS	19	verapamil hcl TBCR	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	49
valsartan-hydrochlorothiazide	20	VEREGEN	36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	49
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11	VERZENIO	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	49
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	11	vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	49
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	11	vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	49
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12	vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	49
vancomycin hcl CAPS	21	vincristine sulfate	26	XALKORI CAPS	26
vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML ..	21	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	26	XARELTO STARTER PACK TBPk 10	
VAQTA	63	VIRACEPT TABS 250 MG	29	XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban)	11
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	63	VIRACEPT TABS 625 MG	29	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
varenicline tartrate TABS	58	VIREAD POWD	30	XARELTO TABS 15 MG	11
varenicline tartrate TBPk	58	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	30	XELJANZ SOLN	2
VARIVAX SUSR	63	VISTOGARD	16	XELJANZ TABS 10 MG	2
VARUBI (180 MG DOSE) TBPk	17	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	64	XELJANZ TABS 5 MG	2
VAXELIS SUSP	59	VITATHELY WITH GINGER TABS 54		XELJANZ XR TB24	2
VAXELIS SUSY	59	VITRAKVI CAPS	26	XHANCE EXHU	54
VAXNEUVANCE	61	VITRAKVI SOLN	26	XIFAXAN 200 MG	21
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	63	VIVITROL	17	XIFAXAN 550 MG	21
VECAMYL	20	VIZIMPRO	24	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15
VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VORAXAZE	26	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
venlafaxine hcl CP24	14	voriconazole TABS	18	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
venlafaxine hcl TABS	14	VOSEVI	30	XOSPATA	26
		warfarin sodium TABS	10	XTANDI CAPS	24

XTANDI TABS 40 MG	25	zidovudine CAPS	30
XTANDI TABS 80 MG	25	zidovudine SYRP	30
XULTOPHY	15	zidovudine TABS	30
XYZAL ALLERGY 24HR		zileuton TB12	9
CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..	18	ziprasidone hcl	27
YERVOY	24	ZIRABEV	24
YESINTEK 130 MG/26ML	45	ZIRGAN GEL	55
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	38	ZOLADEX 10.8 MG	25
YONSA	25	ZOLADEX 3.6 MG	25
YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3	zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML	
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3	42	
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3	ZOLINZA	26
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER		zolmitriptan SOLN	51
AJKT	3	zolmitriptan TABS	51
zafirlukast	9	zolmitriptan TBDP	51
zaleplon 10 MG	47	zolpidem tartrate TABS	47
zaleplon 5 MG	47	zolpidem tartrate TBCR	47
ZALTRAP 100 MG/4ML	23	zonisamide CAPS	13
ZANOSAR	23	ZONTIVITY	46
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	ZUBSOLV SUBL	7
ZARXIO	46	ZYDELIG	26
ZEJULA TABS	26		
ZELBORAF	26		
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000			
UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-			
10000 UNIT-3000 UNIT, 168000			
UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,			
24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT,			
42000 UNIT-32000 UNIT-10000			
UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-			
15000 UNIT, 84000 UNIT-63000			
UNIT-20000 UNIT	41		
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-			
189600 UNIT-60000 UNIT	41		

Ambetter from Arkansas Health & Wellness is underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc. These companies are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc., AmbetterHealth.com/en/ar. For information on your right to receive an Ambetter from Arkansas Health & Wellness plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from Arkansas Health & Wellness được bảo lãnh bởi Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc. và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc. Những công ty này là các đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Arkansas. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc. và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc., AmbetterHealth.com/en/ar. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Arkansas Health & Wellness mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.